TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35**/2023/HNGĐ-PT.
Ngày 10/8/2023.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Hải Hường

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Bà Trần Thị Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 10/8/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 16/2023/TLPT-HNGĐ ngày 09/5/2023 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"* do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2023/HNGĐ-ST ngày 14/2/2023 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2023/QĐ-PT ngày 16/6/2023, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 223/2023/TB-LPT ngày 29/6/2023; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 287/2023/TB-LPT ngày 19/7/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 28/2023/QĐ-PT ngày 28/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Giáp Văn D, sinh năm 1976; địa chỉ: Số nhà 211 đường Xương Giang, tổ 8 phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1980. (có mặt)

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Số nhà 211 đường Xương Giang, tổ 8 phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Địa chỉ nơi ở hiện tại: Số nhà 8, ngõ 21, ngách 2, khu Ban, tổ 5, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

*** Người kháng cáo:** Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Giáp Văn D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15/11/2004 tại UBND phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Thời gian trước đây, anh đã làm đơn ly hôn chị H đến Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang và đã xin rút đơn vì nghĩ thương con. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, anh thấy không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng, anh chị đã ly thân nhiều tháng nay. Anh xác định không còn tình cảm với chị H, vợ chồng không thể đoàn tụ, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H.

- Về con chung: Anh và chị H có 03 con chung là: Giáp Tùng D, sinh ngày 05/9/2005; Giáp Hà M, sinh ngày 09/12/2007 và Giáp Bảo A, sinh ngày 04/12/2016. Hiện nay, anh là người trực tiếp chăm sóc cả ba con chung. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa giao cả 03 con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Vì lý do điều kiện kinh tế của anh có đủ khả năng nuôi 03 con. Hiện anh đang làm chủ Công ty TNHH cơ khí Mạnh Dũng, thu nhập bình quân hàng tháng từ 18.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng và hiện anh có chỗ ở ổn định tại số nhà 211 đường Xương Giang, tổ 8, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang. Chị H yêu cầu nuôi con chung là cháu Bảo A thì anh không đồng ý, do sức khỏe của cháu Bảo An yếu, cháu có vấn đề về chân, hiện đã 06 tuổi nhưng chưa thể đi lại bình thường. Anh đang phải thuê một người giúp việc chuyên chăm sóc cháu Bảo An và dọn dẹp nhà cửa. Chị H đã dọn ra ở địa chỉ khác, thời gian ra ở riêng chỉ thi thoảng đến thăm và đón cháu Bảo A, bởi chị H thường xuyên phải đi công tác xa theo yêu cầu công việc. Do vậy, để đảm bảo cho sự phát triển bình thường, ổn định của các cháu về tâm lý, thể chất, anh đề nghị Tòa án tiếp tục giao 03 con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh và chị H chỉ có các tài sản chung là một số vật dụng trong gia đình: tivi, tủ lạnh, đồ dùng bếp.

Đối với tài sản là: Hai nhà xưởng, nhà văn phòng, 01 xe ô tô Toyota Camry đăng ký tên Công ty TNHH cơ khí Mạnh Dũng biển kiểm soát 98A-113.00 chị H kê khai, đây là khối tài sản của Công ty TNHH cơ khí Mạnh Dũng là của bố mẹ đẻ anh là ông Giáp Văn Bẩy (đã chết) và bà Lương Thị Thảo. Vốn góp của anh trong công ty chỉ có 2,5%, còn lại là vốn góp của mẹ đẻ anh. Chị H yêu cầu chia công sức của công ty TNHH cơ khí Mạnh Dũng thì anh không đồng ý.

Công ty cổ phần KATA là công ty của em trai anh là Giáp Văn Giang. Anh xác định không liên quan gì đến Công ty cổ phần KATA như chị H trình bày.

Đối với việc chị H cho rằng anh có khoản vốn góp trong Công ty TNHH thương mại Anh Thắng, địa chỉ: thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Như T - Giám đốc. Anh xác nhận có góp

vốn 2.000.000.000đồng vào năm 2019 cho Công ty TNHH thương mại Anh Thắng. Nguồn gốc số tiền này anh vay của một người bạn. Tuy nhiên, do Công ty TNHH thương mại Anh Thắng làm ăn không hiệu quả nên ngay trong năm 2019, anh đã rút số vốn góp đó về trả bạn anh. Hiện tại anh không liên quan gì đến Công ty TNHH thương mại Anh Thắng.

Đối với khoản nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Giang. Anh nhận trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15/11/2004 tại UBND phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh D có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng nhiều lần xô xát, cãi vã. Chị và anh D đã ly thân được hơn một năm nay. Đến thời điểm hiện tại, chị xác định không còn tình cảm với anh D, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh D ly hôn.

Về con chung: Chị và Giáp Văn D có 03 con chung là: Giáp Tùng D, sinh ngày 05/9/2005; Giáp Hà M, sinh ngày 09/12/2007 và Giáp Bảo A, sinh ngày 04/12/2016. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án tôn trọng ý kiến của hai con chung Giáp Tùng D và Giáp Hà M, các cháu muốn ở với ai thì Tòa án giao các cháu cho người đấy trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Đối với con chung Giáp Bảo A, do cháu gặp vấn đề sức khỏe, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo A sau ly hôn. Chị yêu cầu anh D phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Bảo An, cấp dưỡng 01 lần số tiền 1.500.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị và anh D tạo lập được khối tài sản chung là:

Công ty TNHH cơ khí Mạnh Dũng. Tài sản công ty bao gồm: Hai nhà xưởng diện tích 1.620m^2, nhà văn phòng 03 tầng, mỗi sàn diện tích 190m^2; nhà nghỉ công nhân và gian bếp diện tích 150m^2; 01 xe ô tô Toyota Camry biển kiểm soát 98A-113.00 đăng ký tên Công ty TNHH cơ khí Mạnh Dũng.

Trong quá trình vợ chồng ly thân, anh D tự thành lập Công ty cổ phần KATA vẫn nằm trên đất xưởng của Công ty TNHH Mạnh Dũng, nhằm tẩu tán tài sản của công ty Mạnh Dũng sang bên Công ty KATA.

Chị đề nghị Tòa án xem xét chia cho chị về tài sản, cụ thể:

Chia số cổ phần 2,5% của anh D tại Công ty TNHH cơ khí Mạnh Dũng thành hai phần: Chị được nhận 1,25% giá trị cổ phần bằng tiền mặt, số cổ phần còn lại 1,25% giao cho anh D quản lý, sử dụng. Số cổ phần còn lại tại Công ty TNHH cơ khí Mạnh Dũng mang tên bà Lương Thị Thảo là 97,5%, chị yêu cầu Tòa án xem xét chia cho chị cả phần cổ phần của bà Thảo đang quản lý, do bà Thảo là người đứng tên cổ phần trá hình, việc kinh doanh của công ty là do anh D đứng ra làm ăn, có sự hỗ trợ của chị.

Chia cho chị một nửa giá trị tài sản của Công ty TNHH Mạnh Dũng là nhà xưởng công ty, nhà văn phòng. Chị nhận trích chia bằng tiền mặt.

Chia cho chị một nửa số cổ phần của anh D tại Công ty cổ phần KATA, chị nhận bằng tiền mặt và một nửa giá trị các loại máy móc (08 máy nghiền đá) và số tiền mặt anh D đang góp vốn tại Công ty TNHH Anh Thắng. Chị nhận bằng tiền mặt.

Trích chia cho chị công sức đóng góp kể từ khi kết hôn với anh D cho đến nay là 1.500.000.000đồng

Chị nhất trí để anh D trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn.

* Với nội dung nêu trên, Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2023/HNGĐ-ST ngày 14/2/2023 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm đ khoản 1 Điều 217 và khoản 3 Điều 218, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Giáp Văn D và chị Nguyễn Thị Thu H.

2. Về con chung:

Giao cho anh Giáp Văn D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Giáp Tùng D, sinh ngày 05/9/2005 và Giáp Bảo A, sinh ngày 04/12/2016.

Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Giáp Hà M, sinh ngày 09/12/2007.

Anh Giáp Văn D và chị Nguyễn Thị Thu H không trực tiếp nuôi con chung, có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về cấp dưỡng: Không đặt ra giữa anh Giáp Văn D và chị Nguyễn Thị Thu H.

4. Đình chỉ việc giải quyết về yêu cầu chia tài sản và trích chia công sức của chị Nguyễn Thị Thu H.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

* Ngày 28/3/2023 bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm cho rằng bản án sơ thẩm xét xử không khách quan làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị, chị đề nghị Toà án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm để xét xử lại.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn, không rút đơn kháng cáo nhưng thay đổi nội dung kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

- Chị H trình bày: Chị nhất trí ly hôn như bản án sơ thẩm đã công nhận thỏa thuận về việc ly hôn, về con chung chị đề nghị Tòa án giao cả 03 con chung cho anh D nuôi dưỡng vì lý do anh D không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị và chị không đủ thu nhập để chăm sóc cho các cháu phát triển tốt về mọi mặt. Tuy nhiên đề nghị cho chị được quyền thăm nom con chung anh D không được cản trở. Về tài sản chị đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, để chị tự thỏa thuận với anh, trường hợp không giải quyết được chị đồng ý để lại toàn bộ tài sản chị có cho các con của chị hoặc giải quyết bằng vụ án khác.

- Anh Giáp Văn D trình bày: Anh đồng ý nhận nuôi cả 03 con chung như chị H trình bày, đồng ý để chị thăm nom con chung và không cản trở gì, trường hợp anh được nuôi cả 3 con chung anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2023/HNGĐ-ST ngày 14/2/2023 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Công nhận thuận của các đương sự. Giao con chung là: Giáp Tùng D, sinh ngày 05/9/2005 và Giáp Bảo A, sinh ngày 04/12/2016 cho anh Giáp Văn Dung nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con không xem xét do anh D không yêu cầu.

Về án phí phúc thẩm: Chị H không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Xét nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu H, HĐXX thấy:

[1.1]. Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa chị trình bày, chị nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm về việc Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa chị với anh D, chị không có ý kiến gì do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[1.2] Về con chung: Anh chị có 3 con chung là Giáp Tùng D, sinh ngày 05/9/2005; Giáp Bảo A, sinh ngày 04/12/2016; Giáp Hà M, sinh ngày 09/12/2007. Tại phiên tòa chị H đề nghị Tòa án giao 03 con chung cho anh D nuôi dưỡng và anh D đồng ý nhận nuôi 03 con chung và không yêu cầu chị H

cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy: Việc thỏa thuận của anh D và chị H tại phiên tòa phúc thẩm là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và không vi phạm pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự công nhận thỏa thuận của các đương sự giao con chung là Giáp Tùng D, sinh ngày 05/9/2005; Giáp Bảo A, sinh ngày 04/12/2016; Giáp Hà M, sinh ngày 09/12/2007 cho anh Giáp Văn D nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[1.3]. Xét kháng cáo yêu cầu chia tài sản của chị H, HĐXX xét thấy: Tại phiên tòa chị trình bày: Chị đồng ý không đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, chị nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, chị đề nghị để chị tự thỏa thuận trường hợp không thỏa thuận được chị sẽ cho các con của chị hoặc giải quyết bằng vụ án khác. Xét việc rút yêu cầu của chị H là tự nguyện do vậy Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[2]. Từ những phân tích trên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu H; sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2023/HNGĐ-ST ngày 14/2/2023 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang về con chung như đã nêu ở trên.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu H được chấp nhận và công nhận thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm nên căn cứ khoản 2 Điều 148 BLTTDS và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chị H không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4]. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 300, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu H. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/HNGĐ-ST ngày 14/2/2023 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang về con chung.

Giao con chung là cháu Giáp Tùng D, sinh ngày 05/9/2005; cháu Giáp Bảo A, sinh ngày 04/12/2016; cháu Giáp Hà M, sinh ngày 09/12/2007 cho anh Giáp Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho chị H 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0002173 ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND thành phố Bắc Giang;
- Chi cục THADS thành phố Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Hải Hường